TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 8 - 2025
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Trang và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Văn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025, về "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971.
- CCCD: 040171026932.

Nơi cư trú: Thôn I, xã Q (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: anh Lưu Đình T, sinh năm 1973;
- CCCD: 042073016208.

Nơi cư trú: Thôn I, xã Q (xã Q, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2025, bản tự khai ngày 16/7/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Đình T tự nguyện tìm hiểu nhau về ở với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc vui vẻ và sinh được hai người con. Nhưng cuộc sống về sau giữa hai anh chị thường xuyên có xảy ra mâu thuẫn, chị còn phát hiện anh T ngoại tình, không những thế còn có tật xấu uống rượu và chửi bới xúc phạm chị. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh T, khả năng đoàn tụ là không thành nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Đình T.

Về quan hệ con chung: quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Lưu Thị Huyền T1, sinh ngày 22/12/1994; Lưu Anh Q, sinh ngày 24/12/2000 hiện nay các con đã đủ 18 tuổi trưởng thành ở với ai tùy các con quyết định.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Lưu Đình T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu nhau và về ở với nhau từ năm 1994 mà không tiến hành đăng ký kết hôn. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn do hai anh chị sống chung đã lâu nhưng không hợp tính cách nhau, không cùng quan điểm sống nên giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã gây bất hòa trong gia đình. Nay anh xét thấy anh và chị H không thể trở lại đoàn tụ với nhau, chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về quan hệ con chung: anh thống nhất với lời khai của chị H về họ tên, ngày tháng năm sinh của hai con. Các con chung đều đã trưởng thành nên các con có nguyện vọng ở với ai do con quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại xóm I, xã Q, tỉnh Nghệ An mà không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có mâu thuẫn với nhau như thế nào địa phương không nắm được vì không ai yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Chị H và anh T có 02 con chung là Lưu Thị Huyền T1, sinh ngày 22/12/1994; Lưu Anh Q, sinh ngày 24/12/2000. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ tranh chấp; hồ sơ vụ án được lập đầy đủ, đánh số bút lục; xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; xác minh, thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hoà giải; thời hạn giải quyết vụ án; tống đạt các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 228 BLTTDS năm 2015; Điều 14, 53 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung là Lưu Thị Huyền T1, sinh năm 22/12/1994 và Lưu Anh Q, sinh năm 24/12/2000. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lưu Đình T, do hai bên không có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng năm 2015. Bị đơn anh Lưu Đình T có nơi thường trú tại thôn I, xã Q, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã Q, tỉnh Nghệ An xác định thời điểm chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng là năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Việc hai người chung sống với nhau là tự nguyện. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã sống với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 06/01/2026 hướng dẫn thi hành một số quy định về Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T

[2.2] Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T có 02 con chung là Lưu Thị Huyền T1, sinh ngày 22/12/1994; Lưu Anh Q, sinh ngày 24/12/2000. Hiện cả hai con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản: chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 06/01/2026 hướng dẫn thi hành một số quy định về Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, 266, 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Lưu Đình T có 02 con chung là Lưu Thị Huyền T1, sinh ngày 22/12/1994; Lưu Anh Q, sinh ngày 24/12/2000. Hiện cả hai con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0004133 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niên yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Tam;
- Đương sự;
- Lưu HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy